

Bản án số: 63/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 16/4/2026

“Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Viết Tài và bà Hồ Thị Huyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2026/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2026, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 3 năm 2026 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T, sinh ngày 20/9/1980, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã Q (xã S, huyện Q cũ), tỉnh Nghệ An. Số CCCD: 040180020317.

Người được chị Ngô Thị T ủy quyền: Bà Hoàng Phương M, sinh năm 1997, vắng mặt.

Địa chỉ: B N, phường V, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh ngày 12/9/1981, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã Q (xã S, huyện Q cũ), tỉnh Nghệ An. Số CCCD: 040081032241.

Địa chỉ hiện nay: Đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Ngô Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lê Văn H ngày 19/11/2002 trên cơ sở tự nguyện và có đăng kết hôn tại UBND xã S, huyện Q nay là UBND xã Q, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu. Đến năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay anh H đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau. Nay chị không còn tình cảm với anh H nữa. Chị đề nghị giải quyết được ly hôn anh Lê Văn H.

Về con: Vợ chồng có 03 con chung là Lê Văn S, sinh ngày 03/03/2004; Lê Thị Huyền D, sinh ngày 12/01/2009 và Lê Anh K, sinh ngày 13/10/2017. Hiện nay 03 con chung đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con chung là Lê Thị Huyền D và Lê Anh K. Con chung Lê Anh S1 đã đủ 18 tuổi trưởng thành

ở với ai do con tự quyết định. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị mới đi xuất khẩu lao động về.

Về tài sản: Chị đề nghị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người được chị Ngô Thị T ủy quyền bà Hoàng Phương M trình bày: Bà nhất trí với trình bày của chị Ngô Thị T.

Tại văn bản số 344/UBND-VP ngày 21 tháng 02 năm 2026 của UBND xã Q cung cấp: Chị Ngô Thị T1 và anh Lê Văn H đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 27/2002 ngày 19/11/2002 tại UBND xã S, huyện Q (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An, trên cơ sở tự nguyện. Qua tra cứu Hệ thống đăng ký hộ tịch do UBND xã Q quản lý thể hiện chị Ngô Thị T và anh Lê Văn H có 02 (hai) người con chung là cháu Lê Thị Huyền D, sinh ngày 12/01/2009 theo số đăng ký khai sinh số 20/2009 do UBND xã S ngày 30/3/2009 và cháu Lê Anh K, sinh ngày 13/10/2017 theo số đăng ký khai sinh số 333, quyền số 02/2017 do UBND xã S ngày 28/11/2017. Các trường hợp con riêng, con nuôi khác của vợ chồng, hiện tại dữ liệu lưu trữ tại UBND xã Q không có thông tin. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân như thế nào thì địa phương không biết vì không qua hoà giải tại cơ sở. Ngoài những nội dung trên, UBND xã Q không có dữ liệu quản lý các thông tin Tòa án đề nghị nên không cung cấp thêm được các thông tin khác. Vậy UBND xã Q trả lời đề Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An có cơ sở giải quyết hồ sơ của công dân theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản số 781/QLXNC-Đ1 ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Phòng Q Công an tỉnh N cung cấp: Công dân Lê Văn H, sinh ngày 12/9/1981, số CCCD 040081032241 đã xuất cảnh ngày 08/04/2022 qua cửa khẩu S2 bằng hộ chiếu số K0042791, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Vậy, phòng Q Công an tỉnh N trao đổi để Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An biết, phối hợp thực hiện.

Bà Trần Thị M1 trình bày: Ngày 19/11/2002, chị Ngô Thị T và anh Lê Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Q (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An. Hai vợ chồng có chung với nhau 03 người con chung là cháu Lê Văn S (sinh ngày: 03/03/2004), cháu Lê Thị Huyền D (sinh ngày: 12/01/2009) và cháu Lê Anh K (sinh ngày: 13/10/2017). Năm 2022, anh H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ đó đến nay chưa về. Con chung của hai vợ chồng là cháu S, cháu D và cháu K do chị T trực tiếp nuôi dưỡng từ khi anh H đi cho đến nay. Hiện nay, chị T đang làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Nghệ An giải quyết để được ly hôn với anh H. Về nội dung ly hôn này thì bà cũng đã trao đổi với anh H và anh H cũng đồng ý ly hôn với chị T và đồng ý giao con chung là cháu D và cháu K cho chị T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, còn cháu S đã trên 18 tuổi đã đủ tuổi trưởng thành nên không cần người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bà và anh H vẫn liên lạc với nhau qua điện thoại và bà có hỏi địa chỉ cụ thể của anh H ở Đài Loan nhưng do anh H thường xuyên thay đổi chỗ ở, nơi làm việc và không có địa chỉ cụ thể nên bà không thể cung cấp địa chỉ của anh H ở Đài Loan cho Tòa án được. Vì vậy, nay bà làm đơn này xin trình bày sự việc như trên và đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật. Đồng thời, hiện nay do bà bận công việc nên bà kính đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Nghệ An xem xét giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt bà.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An phát biểu như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng trong vụ án là nguyên đơn chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82 và điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T2; Điều 6 Nghị quyết 01/2024 ngày 16/5/2024 về hướng dẫn một số quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T. Đề nghị xử cho chị Ngô Thị T được ly hôn anh Lê Văn H.

Về con chung: Đề nghị giao cho chị Ngô Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Thị Huyền D, sinh ngày 12/01/2009 và Lê Anh K, sinh ngày 13/10/2017 đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung cho anh Lê Văn H vì chị T chưa yêu cầu. Con chung Lê Văn S, sinh ngày 03/3/2004 đã đủ 18 tuổi trưởng thành ở với ai do con tự quyết định.

Anh Lê Văn H được quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

Về tài sản: Chị Ngô Thị T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ngô Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Lê Văn H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Chị Ngô Thị T hiện cư trú tại Việt Nam làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn H hiện cư trú ở nước ngoài. Trước xuất cảnh, anh Lê Văn H có địa chỉ cư trú tại xã Q, tỉnh Nghệ An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là anh Lê Văn H vắng mặt, Tòa án đã giao trách nhiệm cho bà Trần Thị M1 (là mẹ đẻ của anh Lê Văn H) cung cấp địa chỉ của bị đơn. Tuy nhiên, bà Trần Thị M1 không cung cấp được địa chỉ hiện nay của anh H. Đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh H liên quan đến yêu cầu khởi kiện nên được coi như trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi trú cuối cùng của anh H trước khi xuất cảnh theo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chị Ngô Thị T có đơn xin xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử 02 lần vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Ngô Thị T và anh Lê Văn H được UBND xã S nay là UBND xã Q cấp giấy chứng nhận kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên hợp pháp. Đến năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau. Từ khi mâu thuẫn cho đến nay gia đình hai bên tích cực khuyên bàn vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Ngô Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn H là có cơ sở nên cần chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Lê Văn S, sinh ngày 03/03/2004; Lê Thị Huyền D, sinh ngày 12/01/2009 và Lê Anh K, sinh ngày 13/10/2017. Hiện nay 03 con chung đang ở với chị T. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con chung là Lê Thị Huyền D và Lê Anh K. Con chung Lê Văn S1 đã đủ 18 tuổi trưởng thành ở với ai do con tự quyết định. Từ trước đến nay chị T nuôi con vẫn đảm bảo. Nguyên vọng của cháu Lê Thị Huyền D và cháu Lê Anh K đều mong muốn được ở với mẹ. Hiện nay anh H đang đi nước Đài Loan không trực tiếp chăm sóc con chung được. Vì vậy cần giao 02 con chung cho chị Ngô Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H vì chị T chưa yêu cầu. Còn con chung Lê Văn S đã đủ 18 tuổi trưởng thành ở với ai do con tự quyết định.

[4] Về tài sản: Chị Ngô Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82 và điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T2.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Ngô Thị T được ly hôn với anh Lê Văn H.

Về con chung: Giao cho chị Ngô Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Thị Huyền D, sinh ngày 12/01/2009 và Lê Anh K, sinh ngày 13/10/2017 đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung cho anh Lê Văn H vì chị T chưa yêu cầu. Con chung Lê Văn S, sinh ngày 03/3/2004 đã đủ 18 tuổi trưởng thành ở với ai do con tự quyết định.

Anh Lê Văn H được quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản, cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị Ngô Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000590 ngày 22/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Ngô Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh Lê Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4-Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Q;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Tuấn